

Questionnaire for Ex-political prisoner in VIETNAM

I Basic Information

1. Full name of Ex-political prisoner
LÊ VINH MINH
2. Date and place of birth
January 11th 1950 Bình lương đông, GỖ CÔNG
3. Position, rank before April 1975, Military serial number
Thiếu úy, trung đội trưởng pháo binh, SS' quân 70/003980
tiểu đoàn 47 pháo binh
4. Month, date, year arrested
August 23th 1975
5. Month, date, year out of camp
January, 29th 1978
6. Photocopy of release certificate
yes
7. Present mailing address of political prisoner
Lê vinh Minh, ấp Tân phú, xã Phú thành
huyện Gò Công tây, tỉnh Tiền Giang, Việt nam
8. Current address
Bà Khắc Minh Thơ
PO. BOX 5435 Arlington
VA 22205-0635
U.S.A.

II List full name, DOB and P.O.B of Ex-political prisoner immediate family father and mother

- a. Father: Lê vinh Thành (chết) sinh năm 1921
tại Bình lương đông tỉnh Gò Công
- b. Mother: Nguyễn thị Mùi (sống) sinh năm 1922
tại Phú thành đông tỉnh Gò Công
- c. Spouse: Võ thị Trang (sống) sinh năm 1960
tại Tân thời tỉnh Gò Công
- d. Children
 1. Lê vinh Phú (sống) sinh năm 1979
tại Phú thành, Gò Công tây, tỉnh Tiền Giang
 2. Lê vinh Qui' (sống) sinh năm 1984
tại Phú thành, Gò Công tây, tỉnh Tiền Giang.

A. Relative to accompany with Expolitical prisoner to be consided for U.S. Country

Full name	D. O. B	P. O. B	SEX	M / S	Relationship
Võ thị Trang	March 18 th 1960	Gò Công	F	M	Wife
Lê vinh Phú	May 1 st 1979	Tiền Giang	M	S	son
Lê vinh Quý	July 7 th 1984	Tiền Giang	M	S	son

B. Complete family listing (living, dead)

1. Father: Lê vinh Thành (Chết)
2. Mother: Nguyễn thị Mui (Sống) ở ấp Tân phú, xã Phú thành huyện Gò Công tây, tỉnh Tiền Giang
3. Spouse: Võ thị Trang (Sống) ở ấp Tân phú, xã Phú thành huyện Gò Công tây, tỉnh Tiền Giang.
4. Children:
 - Lê vinh Phú (Sống) ở ấp Tân phú, xã Phú thành huyện Gò Công tây, tỉnh Tiền Giang
 - Lê vinh Quý (Sống) ở ấp Tân phú, xã Phú thành huyện Gò Công tây, tỉnh Tiền Giang

5. Sibling

- Lê thị Diệp (Sống) chị
ở ấp Tân phú, xã Phú thành, huyện Gò Công tây, tỉnh Tiền Giang
- Lê thị Kim Sơn (Sống) chị
ở ấp Quới an, xã Long bình, huyện Gò Công tây, tỉnh Tiền Giang
- Lê vinh Thịnh (Chết) em trai
- Lê thị Cảnh (Sống) em gái
ở ấp Tân phú, xã Phú thành, huyện Gò Công tây, tỉnh Tiền Giang

III Relative outside Vietnam

A. Closest relative in U.S.A

1. Lương hoàng Thắng (Cháu ruột)
2. Bùi Võ thành (Anh vợ)
3. Nguyễn hữu Ân (em bà con)
4. Nguyễn hữu Lộc (em bà con)

B. Closest relative in other country : Không

IV Have you submitted the application for family reunification until now.
chưa

The application have reply from Bangkok ODP :
chưa

I would greatly appreciate it if an L.O.I be sent promptly to me.

V Current remark

1950-1960 : còn nhỏ và đi học ở xã Phú thành đông tỉnh Gò công

1961-1969 : đi học ở trường trung học Gò công, tỉnh Gò công

Ngày 10-11-1970 nhập ngũ, Số quân 70/003980 học khóa 6/70 Sĩ quan

Trú bị Thủ Đức tại Trung Tâm Huân luyện Quang Trung và Trường

Bộ Binh Thủ Đức. Mãn khóa ngày 23-10-1971, cấp bậc Chuẩn úy

Tháng 11-1971 đến tháng 4-1972 : cấp bậc chuẩn úy, học khóa 6/70 Sĩ quan

Căn bản Pháo binh tại trường Pháo binh Nha Trang

Tháng 5-1972 đến tháng 1-1974 : về đơn vị, Tiểu đoàn 47 Pháo binh, cấp bậc chuẩn úy
chức vụ Sĩ quan Tiền sát viên. Tháng cấp thiếu úy ngày 23-4-1973

Tháng 2-1974 đến tháng 4-1974 : cấp bậc thiếu úy, chức vụ trung đội trưởng
trung đội 1A Tiểu đoàn 47 Pháo binh tại quân Kiên Long tỉnh Chương Thiện

Tháng 5-1974 đến tháng 12-1974 : cấp bậc thiếu úy, chức vụ Sĩ quan tiếp tế đơn
ở tại Vi thanh (Chương Thiện), Cà mau và Rạch Sỏi (Kiên Giang)

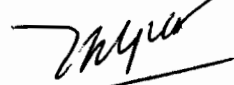
Tháng 1-1975 đến 30-4-1975 : cấp bậc thiếu úy, chức vụ Trung đội trưởng
trung đội 2A Tiểu đoàn 47 Pháo binh, tại quân Kiên Hưng tỉnh Chương thiện

Ngày 01-5-1975 bị bắt giữ tại huyện Gò Quao (Kiên Giang), sau đó một
thời gian bị chuyển đến trại Cải tạo tỉnh Kiên Giang ngày 23-8-1975.

Ngày 29-01-1978 ra trại, về địa phương làm ruộng, sống đến nay.

Date, November 25th 1989

Signature



Lê Vĩnh Minh

ĐÍNH KÈM

- 01 bản sao Hồ khẩu
- 01 bản sao giấy Chứng minh nhân dân của Lê Vĩnh Minh
- 01 bản sao Quyết định của Bộ Tư lệnh quân khu 9
- 01 bản sao Giấy Chứng nhận ra trại
- 01 bản sao giấy Công nhận kết hôn
- 01 bản sao Chứng minh nhân dân của Võ Thị Trang
- 01 bản sao giấy khai sinh (cho mỗi người)
- 01 ảnh 3x4 (cho mỗi người)

QAKg

$$S\ddot{O}: 2Hg / CN$$

GIẤY CHỨNG NHẬN

Sanh-quán?

Đã theo học lớp quân huấn tháng kể từ ngày 23-8-75
đến ngày 29-1-78 Nay anh hoặc chị được về sum họp
với gia đình tiếp tục học tập, lao động để trở thành người
làm ăn lương thiện

Yêu cầu các cơ quan đoàn thể Cách Mạng địa phương hết sức giúp đỡ anh hoàn thành nhiệm vụ học tập phân đấu tốt.

Nhân.dạng:

Ngày 29 tháng 1 năm 1978

-Cao: im, 60

Dấu vết đặc biệt:

no des lein

lưu tại

Bản chi này

Handy ay Lê Văn Khoa

BỘ TƯ LỆNH QUÂN KHU 9

— Thực hiện chính sách khoan hồng của Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam đối với những sỹ quan, hạ sỹ quan, binh lính ngụy quân và nhân viên ngụy quyền.

Xét tính thiện học tập cải tạo của

Lê Vĩnh Minh

nguyên là *Thư cũ uy*

ngụy quân, trong thời gian qua tỏ ra biết ăn năn hối cải và cố gắng phấn đấu để trở thành người có ích cho đất nước.

— Xét đơn xin bảo lãnh của *Mẹ Nguyễn Thị Mười ở Tân Phú*

đòi bồi sỹ quan ngụy cả tên nổi trên *Xã Phú Thấu, Đông, Huyện*

Cố Công - Tỉnh Tiền Giang

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 — Cho *Lê Vĩnh Minh* nguyên là *Thư cũ uy* ngụy quân được tạm ngưng quân huấn tập trung và cho phép được trở về nhà làm ăn.

Điều 2 — Khi trở về địa phương hoặc tiếp tục làm việc ở các ngành chuyên môn

Lê Vĩnh Minh

phải chấp hành tốt mọi quy định về luật pháp và chịu sự quản chế của chính quyền cơ sở địa phương hoặc đơn vị mình làm việc. Thời gian quản chế là *một năm*. Sau thời gian đó nếu được chính quyền địa phương hoặc cơ quan đơn vị làm việc xác nhận là tiến bộ và được chính quyền sẽ tại đồng ý thì sẽ được chính thức khôi phục quyền công dân.

Điều 3 — Phòng quản huấn Quân khu, Trại quản huấn

Kiên Giang

và đương sự chịu quyết định thi hành.

Ngày 25 tháng 10 năm 1977

TUO B T L Q K 9

không được vẽ ở thành phố, thị xã, vùng biên giới và vùng xung đột, trong thời gian quản chế. Ở đâu có thành quy định địa phương phải chấp hành.

CHỮ CHỮ

Giấy này không có giá trị đi đường

— Trong thời gian quản chế, việc quy định bao nhiêu ngày trình diện 1 lần là do chính quyền địa phương xã, phường, quy định.

QUYẾT ĐỊNH NÀY, LÀM THÀNH 4 BẢN

1. Phòng quản huấn Quân khu.

1. Trại quản huấn.

1. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

1. Đương sự.



THƯỢNG TÁ
ĐOÀN CẦN THỈNH

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số HT12/P3

Xã, Phường phù thành đông Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

QĐ số 00

Huyện, Quận gò công

Ngày 10-6-78

Tỉnh, Thành phố tên giang

Số 01

Quyển số 01

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG

VỢ

Họ và tên	<u>Lê Vĩnh Bình</u>	<u>Lô Thị Khang</u>
Bí danh		
Sinh ngày tháng năm hay tuổi	<u>11-01-1950</u>	<u>18-03-1960</u>
Dân tộc	<u>giỏi</u>	<u>giỏi</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>lâm nghiệp</u>	<u>lâm nghiệp</u>
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	<u>ấp Tân Phú xã phù thành đông huyện gò công</u>	<u>ấp Tân Phú xã Tân Thới Huyền gò công</u>
Số giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu		

Đăng ký ngày 10 tháng 6 năm 1978

Người chồng ký

Người vợ ký

TM. U.B.N.D.

Mười

Ung



Lê Văn Hùng

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ

COCONG

(GREFFE DU TRIBUNAL DE

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHÂN

Ministère de la Justice du Sud Viêt-Nam

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

Bình-Lương-Dông

Cổ-Công

(NAM-PHÂN)

(Sud Viêt-Nam)

NĂM 1950

(Année)

SỐ HIỆU 2

(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	12-VINH-MINH
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Trai
Sinh ngày nào (Date de naissance)	11 Janvier 1950
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Bình-Lương-Dông
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Hồ-Vinh-Thành
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Làm ruộng
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Bình-Lương-Dông
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Nguyễn-thị-Hạt
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Làm ruộng
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Bình-Lương-Dông
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Chúng tôi

(Nous)

Chánh án Toà

(Président du Tribunal)

chứng cho hợp pháp chữ ký tên của

(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông

(M)

Chánh-Lục-sự Toà-an sở tại.

(Greffier ou Chef du Tribunal)

ngày

1950

CHÁNH-ÁN

(LE PRÉSIDENT)

Trích y bản chánh,

(Pour extrait conforme)

COCONG, ngày

11-10-1950

CHÁNH LỤC-SỰ

LE GREFFIER DU TRIBUNAL



ĐƯƠNG-VĂN-THÀNH

Số tiền: 5000

(Somme)

Biên-lai số: 10.294 NH/6

(Matr. No)

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
(République du Viet-Nam)

TOA SƠ-THẨM

GO CONG

PHÒNG LỤC-SỰ

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM

(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{ère} INSTANCE DE

GO CONG

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

Tên Thối

GO CONG

(NAM-PHÂN)

(Sinh Việt-Nam)

NĂM 1960

(Année)

SỐ HIỆU 38

(Act. N°)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Võ thị Trang
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nữ
Sinh ngày nào (Date de naissance)	Ngày 18 tháng 3 đl năm 1960
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Tân Thới
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Võ Văn Đạt
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Làm ruộng
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Tân Thới
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Phạm thị Chín
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Làm ruộng
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Tân Thới
Vợ chánh hay thờ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Trích y bản chánh.
(Pour extrait conforme)

GO CONG

ngày 8.3

1973



Thư

Giá tiền: 15.00

(Cost)

Biên-lai số 1832 20/5

(Quittance n°)

Mẫu HT2/P3

Thành phố, Tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

GIẤY KHAI SINH

Số 02

Quyền số 01

[illegible]

Họ và tên	Lê Vĩnh Phú		Nam, nữ	Nam
Sinh ngày tháng, năm	Ngày 01 tháng 05 năm 1979			
Nơi sinh	Xã Phú Xuân, Huyện Phú Tân, Tỉnh Bình Định			
Khai về cha, mẹ	C H A		M E	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Lê Vĩnh Sinh 1970		Võ Thị Bông 1960	
Dân tộc	Kinh		Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam		Việt Nam	
Nghề nghiệp	Làm ruộng		Làm ruộng	
Nơi ĐKNK thường trú	Xã Phú Xuân, Huyện Phú Tân, Tỉnh Bình Định		Xã Phú Xuân, Huyện Phú Tân, Tỉnh Bình Định	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Võ Thị Bông, 49. Giấy CMND xã Phú Xuân, Huyện Phú Tân, Tỉnh Bình Định			

Đã ký ngày 3 tháng 5 năm 1979
TM/UBND Xét phê duyệt ký tên, đóng dấu
(ghi rõ họ, tên, chức vụ)

2. *Chenopodium*

Lauren Hays
12-1-11

Xã, Thị trấn phần Chánh

Mộc Lát - Tự Do - Hạnh Phúc

Thị xã Quận Quảng Bình

Thành phố, Tỉnh Quảng Bình

GIẤY KHAI SINH

55 716

Quyển số 9

Họ và tên :	<u>Lê Vĩnh Quý</u>		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng, năm :	<u>(Ngày bảy tháng bảy năm một nghìn lẻ tám) 1/7/1984</u>		
Nơi sinh	<u>Ấp: Phần Chánh xã phần Chánh huyện Quảng Bình, Tỉnh Quảng Bình</u>		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Lê Vĩnh Minh</u> <u>1950</u>	<u>Vũ Lưu Cường</u> <u>1960</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Làm nông</u>	<u>Làm nông</u>	
Nơi ĐKK thường trú	<u>Phần Chánh, phần Chánh</u>		
Họ, tên tuổi, nơi ĐKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Lê Vĩnh Minh</u> <u>1950</u> <u>Ấp: Phần Chánh, xã phần Chánh, huyện Quảng Bình, Tỉnh Quảng Bình</u>		

Đang ký ngày 10 tháng 7 năm 1984

(Ký tên đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

(Signature and Stamp)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 310606037

Họ tên **LÊ VINH MINH**

Sinh ngày **1950**

Nguyên quán **phủ Thạnh**
Gò Công Tây, Tiền Giang

Nơi thường trú **phủ Thạnh**
Gò Công Tây, Tiền Giang.

Dân tộc:

kinh

Tôn giáo:

không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

NGÓN TRỎ TRÁI

eo tròn 0cm3 C.4cm
trên đầu mày phải.

NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 03 tháng 07 năm 1980
KHOA DỒN HOẶC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN

TRUNG TỶ

Phạm Văn Huệ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 910105241

Họ tên **VŨ THỊ TRANG**



Sinh ngày **18-03-1960**

Nguyên quán **Tân Thới**

Go Công, Tiên Giang.

Nơi thường trú **Phủ Thạnh Đông**

Go Công, Tiên Giang.

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

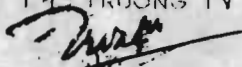
NGÓN TRỎ TRÁI

Sẹo chạm C.5cm dưới
trước đuôi mắt trái

NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 14 tháng 10 năm 1978

KI/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN
PHÒNG TRƯỞNG TY


Trần Ngọc Quang

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Mẫu số NK 4

Chuyển đến _____	Chuyển đến _____
Từ ngày _____ tháng _____ năm _____ Ký tên đóng dấu	Từ ngày _____ tháng _____ năm _____ Ký tên đóng dấu
Chuyển đến _____	Chuyển đến _____
Từ ngày _____ tháng _____ năm _____	Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

NỘI QUY SỬ DỤNG

- 1— Giấy chứng nhận đăng ký nhân khẩu thường trú trong hộ phải bảo quản, giữ gìn sạch sẽ để sử dụng lâu dài.
- 2— Không được cho thuê, hoặc cho người khác mượn sổ để làm những việc phi pháp như mua hàng hóa...
- 3— Các sự việc như : Sinh không quá 30 ngày, Tử không quá 24, giờ chuyển đi, chuyển đến từ 05—07 ngày... thì người có sự việc hoặc chủ hộ mang giấy chứng nhận và các giấy tờ có liên quan đến cơ quan Công An xã phường, Thị trấn trở lên để điều chỉnh, thay đổi những sự việc trên. Ngoài ra không ai có thể tự quyền sửa chữa hoặc ghi vào giấy chứng nhận.
- 4— Những người từ nơi khác đến hoặc trong hộ có người đi đâu trong hạn 24 giờ đều phải chấp hành khai báo tạm trú tạm vắng...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

SỐ 0196

Họ và tên chủ hộ NGUYỄN THỊ MƯỜI

Số nhà _____ Ngõ (hẻm) _____

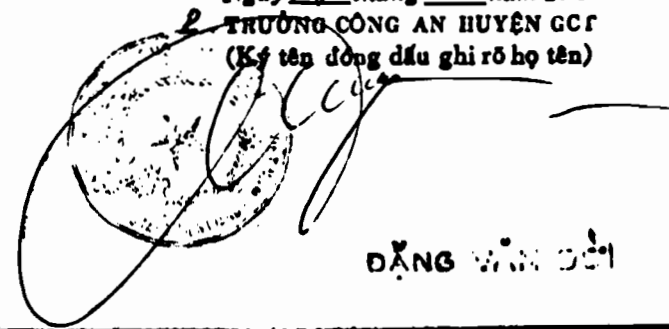
Đường phố TÂN PHÚ Đôn CAND PHÚ THẠNH

Thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh Đô Công Tây

Tỉnh, thành phố Biên Giang

Ngày 28 tháng 1 năm 1988

TRƯỞNG CÔNG AN HUYỆN GCR
(Ký tên đóng dấu ghi rõ họ tên)



ĐẶNG VĂN DŨI

NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

[illegible]

From: Lê Vĩnh Minh
ấp Tân Phú - xã Phú Thạnh
Huyện Gò Công Tây - tỉnh Tiền Giang
VIỆT NAM.



PAR AVION

To: Bà KHUẾ MINH THƠ
PO. BOX 5435 ARLINGTON
VA 22.205 - 0635



JAN 3 1990 U.S.A

PAR AVION VIA AIR MAIL



Lê Vĩnh Minh

11-01-1950

Bình lương động
(Gò Công)



Võ thi Trang

18.3.1968

Tân Thới

(Gò Gông)



Lê Vĩnh Phú

01-5-1979

Phú Thạnh

(Tiền Giang)



Lê Vĩnh Quý
07-07-1984

Phu Thanh
(Tiên Giang)